SAO Y; Văn phòng, Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng; 12/01/2023; 17:07:41 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11 /KH-UBND	*Hải Phòng, ngày 12 tháng 01 năm 2023*

KẾ HOẠCH

Phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 3876/QĐ- UBND ngày 18/11/2022 về việc phê duyệt Đề án nuôi trồng thủy sản lồng bè trên vịnh thuộc quần đảo Cát Bà; Quyết định số 4181/QĐ- UBND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích, khu vực nuôi trồng thủy sản (nuôi nhuyễn thể) tại địa bàn huyện Tiên Lãng đến năm 2030.

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Văn bản số 3880/SNN-TS ngày 23/12/2022; ý kiến của các đồng chí thành viên Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển thành phố Hải Phòng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với các nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Nâng cao nhận thức của tổ chức, cá nhân về vai trò của nuôi biển trong thúc đẩy tăng trưởng, phát triển ngành nuôi trồng thủy sản của thành phố Hải Phòng đáp ứng và góp phần thực hiện thành công Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Chiến lược quốc gia về phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Cụ thể hóa Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển (sau đây gọi tắt là nuôi biển) đến năm 2030, tầm nhìn 2045 theo Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ trong điều kiện cụ thể của thành phố Hải Phòng.

- Bố trí, sắp xếp nuôi lồng bè và nhuyễn thể một cách an toàn, khoa học; phù hợp với quy hoạch chung của thành phố, đồng thời đảm bảo hài hòa với quy

hoạch du lịch, giao thông đường thủy; khai thác khoáng sản và phù hợp với cảnh quan gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, nhằm phát triển bền vững nghề nuôi biển, góp phần tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân.

- Khai thác, sử dụng tiềm năng mặt nước nuôi biển hợp lý, phục vụ tái cơ cấu ngành thủy sản trên cơ sở cân đối giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản có hiệu quả và phát triển bền vững; từng bước giảm dần áp lực khai thác thủy sản; tăng quy mô, năng suất, sản lượng nuôi biển, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và tạo việc làm, nâng cao thu nhập của cộng đồng cư dân ven biển.

2. Yêu cầu

- Phát triển nuôi trồng thuỷ sản trên biển (sau đây gọi tắt là nuôi biển) phù hợp với Đề án phát triển nuôi biển của cả nước và điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố; phát huy tối đa tiềm năng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên biển và mọi nguồn lực đầu tư phát triển nuôi biển; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển nuôi biển phải gắn với đổi mới và tổ chức lại sản xuất theo định hướng thị trường, xây dựng chuỗi giá trị xuyên suốt cho từng sản phẩm, nhóm sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng; phát triển công nghệ nuôi, thu hoạch, bảo quản, vận chuyển và chế biến sâu để tạo ra các sản phẩm có chất lượng, gia tăng giá trị, đáp ứng yêu cầu của thị trường tiêu thụ.

- Phát triển nuôi biển phải hài hoà với hoạt động của các ngành kinh tế khác trên biển, kết hợp với xây dựng thế trận quốc phòng, an ninh trên biển vững mạnh, tham gia bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia trên biển.

II. MỤC TIÊU

1. Đến hết năm 2025:

- Diện tích nuôi biển (bãi triều và trong đất liền): khoảng 3.000 ha; sản lượng nuôi biển đạt trên 31.000 tấn, trong đó:

+ Cá biển: phát triển nuôi cá lồng bè trên địa bàn huyện Cát Hải tại Khu vực Hang Vẹm - Vụng O, Hòn Thoi Quýt - Gia Luận, Ghẹ Gầm - Gia Luận với tổng số 117 bè nuôi /1.872 ô lồng (3x4m), sản lượng đạt 700 tấn/năm.

+ Nhuyễn thể:

* Nuôi bãi: phát triển nuôi trên địa bàn huyện Tiên Lãng với diện tích 1.900 ha. sản lượng đạt 25.000 tấn.

* Nuôi giàn: phát triển tại khu vực Ghẹ Gầm - Gia Luận (huyện Cát Hải) với 42 giàn nuôi nhuyễn thể (600m^2/giàn), sản lượng đạt 500 tấn/năm.

+ Thủy sản khác (giáp xác, rong biển…): tại địa bàn các quận, huyện ven biển Đồ Sơn, Dương Kinh, Tiên Lãng, Kiến Thụy, Cát Hải…. Sản lượng đạt 5.000 tấn.

- Xây dựng từ 01 đến 02 mô hình nuôi biển như rong biển, nuôi cá sử dụng thức ăn công nghiệp…; xây dựng ít nhất 01 mô hình nuôi biển gắn với du lịch, dịch vụ (giáo dục cộng đồng, du lịch…) nhằm đảm bảo sinh kế, tăng thu nhập cho ngư dân.

- Đảm bảo 100% số cơ sở nuôi biển, chủ cơ sở và người lao động tại cơ sở được tiếp cận thông tin cần thiết quy định tại Luật Thủy sản và các quy định khác có liên quan; có ít nhất 85% công nhân kỹ thuật và người lao động tại các cơ sở nuôi biển được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ thuật nuôi thủy sản biển.

2. Đến năm 2030

- Duy trì ổn định diện tích nuôi biển (bãi triều và trong đất liền) khoảng 3.000 ha; sản lượng nuôi biển đạt trên 32.000 tấn, trong đó:

+ Cá biển: phát triển nuôi cá lồng bè trên địa bàn huyện Cát Hải tại Khu vực Hang Vẹm - Vụng O, Hòn Thoi Quýt - Gia Luận, Ghẹ Gầm - Gia Luận với tổng số 117 bè/1.872 ô lồng (3x4m), sản lượng đạt 750 tấn/năm.

+ Nhuyễn thể:

* Nuôi bãi: phát triển nuôi trên địa bàn huyện Tiên Lãng với diện tích 1.900 ha, sản lượng đạt 25.000 tấn.

* Nuôi giàn: phát triển tại khu vực Ghẹ Gầm - Gia Luận (huyện Cát Hải) với 42 giàn nuôi nhuyễn thể (600m^2/giàn), sản lượng đạt 500 tấn/năm.

+ Thủy sản khác (giáp xác, rong biển…): tại các địa phương ven biển và phát triển hướng tới nuôi biển công nghiệp xa bờ gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo (khu vực Cát Bà - Bạch Long Vĩ). Sản lượng đạt 6.000 tấn.

- Đảm bảo 100% số cơ sở nuôi biển, chủ cơ sở và người lao động tại cơ sở được tiếp cận thông tin cần thiết quy định tại Luật Thủy sản hiện hành và các quy định khác có liên quan; 100% công nhân kỹ thuật và người lao động tại các cơ sở nuôi biển được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về kỹ thuật nuôi thủy sản biển.

- Xây dựng từ 01 đến 02 mô hình nuôi biển ứng dụng công nghệ tiên tiến như nuôi trên hệ thống RAS, nuôi đa bậc… nhằm đảm bảo sinh kế, tăng thu nhập cho ngư dân.

- Thí điểm mô hình "nuôi biển công nghiệp xa bờ gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng và chủ quyền biển đảo".

3. Định hướng đến năm 2045:

Phát triển ngành công nghiệp nuôi biển đạt trình độ tiên tiến với phương

thức quản lý hiện đại. Nuôi biển trở thành một trong những bộ phận quan trọng của ngành thủy sản, có đóng góp trên 60% tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản của thành phố.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế, chính sách

Thực hiện các chính sách thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển nuôi biển của Trung ương và của thành phố để phát triển các khâu trong toàn chuỗi nuôi biển.

1.1. Về đầu tư

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nuôi biển; phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và doanh nghiệp cho phát triển thủy sản, giảm dần tỷ lệ và nâng cao hiệu quả đầu tư công.

1.2. Về hỗ trợ phát triển nuôi biển

- Thu hút các doanh nghiệp đầu tư công nghiệp hỗ trợ, chế biến sản phẩm áp dụng công nghệ tiên tiến để tạo sản phẩm có giá trị gia tăng; hỗ trợ cơ sở sản xuất giống phục vụ nuôi biển và kinh phí mua bảo hiểm trong hoạt động thủy sản theo quy định pháp luật.

- Hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao trong nuôi trồng thủy sản trên biển, thu hoạch, bảo quản và chế biến sản phẩm thủy sản.

- Hỗ trợ thủ tục để doanh nghiệp đầu tư vào phát triển nuôi biển quy mô lớn, công nghiệp, lâu dài với mục đích phát triển kinh tế; việc cho thuê đất, thuê mặt nước, giao khu vực biển thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Hỗ trợ chuyển đổi diện tích hoạt động của các ngành kinh tế khác sang phát triển nuôi biển (có đề án, phương án đầu tư, tổ chức sản xuất khả thi, hiệu quả) theo quy đinh pháp luật.

2. Quy hoạch nuôi trồng thủy sản trên biển

Rà soát, tổng hợp các khu vực có tiềm năng phát triển nuôi biển tại các địa phương ven biển (huyện Cát Hải, Bạch Long Vĩ, Tiên Lãng…), đề xuất tích hợp vào quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với mục tiêu phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030.

3. Về quản lý và tổ chức sản xuất

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Thủy sản và các quy định hiện hành đảm bảo các cơ sở nuôi biển hoạt động đúng quy định của pháp luật.

- Tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị sản phẩm, từ con giống, vật tư đầu vào, nuôi thương phẩm đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm, trong đó doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ đóng vai trò hạt nhân liên kết và tổ chức chuỗi sản xuất; khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động cùng lúc nhiều lĩnh vực trên biển như nuôi biển, thu mua, chế biến, du lịch…

- Tăng cường quản lý, giám sát các đơn vị, doanh nghiệp triển khai dự án nuôi trồng thủy sản sử dụng đất, mặt biển đúng mục đích; có sự phối hợp giữa các Sở, ngành trong việc thẩm định giao đất, khu vực biển nuôi trồng thủy sản.

- Tổ chức lại các cơ sở nuôi nhỏ lẻ, phân tán theo hình thức quản lý có sự tham gia của cộng đồng, trong đó chú trọng các mô hình Tổ hợp tác, Hợp tác xã nhằm tăng cường giúp đỡ nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và chung tay bảo vệ môi trường.

- Hình thành kênh cung cấp thông tin thị trường, thông tin về thiên tai, biến đổi khí hậu..., để kịp thời thông tin tới các cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển, nhằm giảm thiểu rủi ro trong quá trình sản xuất.

4. Phát triển đa dạng đối tượng nuôi biển

Phát triển đa dạng các đối tượng nuôi biển phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của thành phố, trong đó ưu tiên phát triển các đối tượng nuôi chủ lực của thành phố, đối tượng nuôi có giá trị kinh tế, có thị trường tiêu thụ và lợi thế cạnh tranh như nhóm cá biển, nhóm giáp xác, nhóm nhuyễn thể… với phương thức nuôi công nghiệp. Phát triển các mô hình nuôi đa loài phù hợp với từng vùng sinh thái, sức tải môi trường gắn với bảo vệ, phát triển nguồn lợi và đồng quản lý ở vùng bãi triều và trong đất liền.

5. Phát triển, ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ nuôi biển

- Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng và phát triển các công nghệ mới trong sản xuất giống chất lượng cao; các công nghệ nuôi biển, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm, các giải pháp phòng chống dịch bệnh trong nuôi biển.

- Ứng dụng công nghệ trồng cấy vi tảo, tạo ra sinh khối lớn cung cấp thức ăn cho cơ sở sản xuất giống và nuôi thương phẩm. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vào công tác nghiên cứu, phát triển sản xuất thức ăn phù hợp với từng đối tượng nuôi, đảm bảo sản phẩm thức ăn có chất lượng cao và giá thành hợp lý; hướng tới giảm dần tỉ lệ sử dụng và phụ thuộc vào bột cá trong sản xuất thức ăn.

- Ứng dụng khoa học công nghệ trong ngành công nghiệp hỗ trợ phục vụ nuôi biển, tập trung vào dịch vụ hậu cần, thiết bị giám sát môi trường tự động, hệ thống cho ăn thông minh và các kỹ thuật, công nghệ có liên quan để thúc đẩy

sản xuất phát triển; phát triển hệ thống phân phối, vận chuyển sản phẩm, logicstic chuyên nghiệp phục vụ nuôi biển .

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng công nghệ tự động hóa để vận hành và giám sát các hoạt động nuôi biển.

6. Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi biển

- Rà soát, đánh giá về thực trạng và nhu cầu hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nuôi biển để đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại, bao gồm các hạng mục đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo các hạng mục hạ tầng thiết yếu phục vụ các vùng nuôi biển, vùng sản xuất giống nhuyễn thể tập trung: Cảng dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật và trang thiết bị phục vụ công tác điều hành; hệ thống phao tiêu, đèn báo ranh giới khu vực nuôi biển; hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải, trạm bơm, đê bao, đường giao thông, hệ thống điện đầu mối…

- Hình thành các đội tàu dịch vụ hậu cần phục vụ nuôi biển theo hướng đa chức năng, từ vận chuyển giống đến thu hoạch, sơ chế, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

7. Phát triển sản xuất giống phục vụ nuôi biển

- Rà soát và có kế hoạch ưu tiên phát triển sản xuất, cung ứng giống phục vụ nuôi biển phù hợp với kế hoạch phát triển chung cả nước, của thành phố, trong đó tập trung vào nhóm có giá trị kinh tế cao như: Nhóm cá biển (cá song/mú, cá vược/chẽm, cá chim vây vàng, cá hồng mỹ,...); nhuyễn thể (ngao, hàu, sò huyết,...); giáp xác (cua biển,...) và các đối tượng nuôi biển khác, tiến tới chủ động sản xuất được các đối tượng nuôi biển có giá trị kinh tế tại địa phương như cá song, cá vược.

- Tổ chức lưu giữ và bảo vệ đàn giống gốc, nhất là đối với những loài bản địa có nguy cơ tuyệt chủng cao. Tăng cường áp dụng những thành tựu công nghệ mới về gia hóa và chọn giống nhằm liên tục cải tiến chất lượng của con giống bố mẹ.

8. Về quan trắc môi trường, phòng chống dịch bệnh

- Hàng năm xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thuỷ sản, giám sát dịch bệnh động vật thuỷ sản; tiến tới áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý và sản xuất ở những vùng nuôi biển tập trung, hạn chế rủi ro, thích ứng với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển sản xuất bền vững.

- Tổ chức đánh giá tác động môi trường, sức tải môi trường phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Liên kết, hợp tác giữa các lực lượng để tổ chức các hoạt động di dời người và sản phẩm nuôi khi có các sự cố trên biển đảm bảo an toàn và giảm thấp nhất về mức độ thiệt hại.

9. Phát triển chế biến và thương mại sản phẩm nuôi biển

- Triển khai có hiệu quả các giải pháp trong Quyết định số 1408/QĐ-TTg ngày 16/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án phát triển ngành chế biến thủy sản giai đoạn 2021 - 2030 để thúc đẩy thương mại và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nuôi biển nhằm nâng cao giá trị sản phẩm và giảm tổn thất sau thu hoạch.

- Lồng ghép hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm nuôi biển (tươi sống) hoặc thông qua chế biến vào Chương trình xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thủy sản chung của cả nước, của thành phố.

10. Về hợp tác quốc tế

Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân tiếp nhận khoa học công nghệ tiên tiến đối với công nghệ sản xuất giống, thức ăn, nuôi thương phẩm, phòng trị bệnh và các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu; đào tạo nguồn nhân lực phục vụ công tác quản lý, nghiên cứu và sản xuất cho nuôi biển.

IV. CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN ƯU TIÊN

1. Nhóm chương trình, đề án, dự án hỗ trợ công tác quản lý Nhà nước

2. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ nuôi biển.

3. Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ các khâu trong chuỗi nuôi biển.

4. Quản lý nuôi biển.

5. Chế biến thương mại.

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Từ nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác (các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư các dự án nuôi biển; nguồn vốn hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế...).

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các địa phương ven biển triển khai thực hiện kế hoạch; đề xuất điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

- Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương và của thành phố về thu hút đầu tư, hỗ trợ phát triển nuôi biển trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp với các Sở, ngành và địa phương kêu gọi các nhà đầu tư tham gia triển khai thực hiện các dự án trọng điểm về phát triển nuôi biển trên địa bàn thành phố.

- Chủ trì rà soát và đề xuất các cơ quan có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, ban hành các cơ chế, chính sách, danh mục thu hút, huy động các nguồn lực đầu tư phát triển nuôi biển ứng dụng công nghệ nuôi tiên tiến, nuôi xa bờ.

- Xây dựng, triển khai thực hiện các dự án, đề án được giao tại Kế hoạch này; chú trọng nội dung nâng cao năng lực cho cán bộ các cấp từ thành phố đến xã, phường và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động thủy sản nói chung và nuôi biển nói riêng.

- Tiếp tục nghiên cứu kiện toàn cơ cấu, tổ chức bộ máy quản lý thủy sản cấp thành phố nhằm đảm bảo yêu cầu về thực thi công vụ trong quản lý nhà nước đối với lĩnh vực thủy sản; đáp ứng và phù hợp với quy định về vị trí việc làm của Quốc hội, Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ và của thành phố.

- Tổ chức điều tra, rà soát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu mặt biển tiềm năng phát triển nuôi biển.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Uỷ ban nhân dân các địa phương có nuôi biển tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết, thực hiện các quy định về cấp phép nuôi biển, cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan;

- Tiếp nhận, thực hiện cấp phép nuôi biển, cấp đăng ký nuôi lồng bè cho tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật.

- Hỗ trợ Ủy ban nhân dân các quận, huyện xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch theo quy định.

- Thẩm định các dự án đồng quản lý nguồn lợi giống thủy sản tự nhiên, nuôi nhuyễn thể, nuôi cá lồng bè trên địa bàn thành phố. Xây dựng và hoàn thiện mạng lưới quan trắc, cảnh báo môi trường, phòng chống dịch bệnh trong vùng nuôi biển.

- Hướng dẫn các địa phương xây dựng các mô hình nuôi biển ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; mô hình thực hiện liên kết chuỗi sản xuất, nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế; mô hình nuôi cá lồng bè sử dụng thức ăn công

nghiệp dần thay thế thức ăn cá tạp,... theo định hướng phát triển nuôi biển của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các địa phương hướng dẫn, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra đôn đốc và tổng hợp, đánh giá kết quả việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế. Tham mưu, đề xuất tổ chức đánh giá kết quả thực hiện hàng năm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương trong công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra hoạt động nuôi biển và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản…; thông tin, tuyên truyền quy định của pháp luật về nuôi biển.

- Trên cơ sở Kịch bản Biến đổi khí hậu của thành phố Hải Phòng giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, lồng ghép các nội dung thích ứng cho hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giao khu vực biển cho tổ chức, cá nhân và hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện có biển giao khu vực biển cho cá nhân sử dụng vào mục đích nuôi biển trong phạm vi quản lý theo thẩm quyền quy định tại Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ.

- Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên biển và hải đảo; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm

- Phối hợp cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng quy trình phối hợp giải quyết đối với các thủ tục cấp phép nuôi biển, giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản và cấp mã số cơ sở nuôi lồng bè.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có biển tổng hợp; cập nhật thông tin về vị trí, ranh giới, tọa độ các cơ sở nuôi biển được cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển để phục vụ công tác quản lý nhà nước

- Chủ trì nghiên cứu, đề xuất đầu tư bổ sung hệ thống quan trắc tự động môi trường nước theo hướng mở rộng phục vụ các khu vực nuôi biển tập trung nhằm cảnh báo kịp thời nguy cơ thay đổi đột ngột chất lượng nước để hạn chế thiệt hại do môi trường gây ra với nuôi biển.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có hoạt động nuôi biển tổ chức tập huấn, tuyên

truyền, phổ biến các quy định pháp luật về giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản tới các tổ chức, cá nhân.

3. Sở Tài chính

Tổng hợp, thẩm định và tham mưu, đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bố trí kinh phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách thành phố để thực hiện các nội dung của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách và các quy định có liên quan.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổng hợp thẩm định nhu cầu kinh phí, tham mưu đề xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố cân đối, bổ sung nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021- 2025 hoặc kiến nghị Trung ương bố trí để thực hiện các dự án đầu tư công trong lĩnh vực nuôi thủy sản theo quy định.

5. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố các đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nuôi trồng thủy sản biển theo quy định. Trong đó ưu tiên các nội dung liên quan đến nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ phục vụ nghề nuôi trồng thủy sản biển; nhập nội giống mới, trao đổi nguồn gen làm vật liệu chọn tạo giống; tiếp thu phương pháp nghiên cứu chọn tạo, chuyển giao khoa học công nghệ, sản xuất, bảo quản, chế biến theo hướng công nghiệp hiện đại; vaccine trong nuôi trồng thủy sản; các công nghệ nuôi thủy sản tại các vùng biển mở, phát triển công nghệ liên quan đến vật liệu làm công trình nuôi trồng thủy sản trên biển chịu được sóng gió… hướng đến "Nông nghiệp 4.0".

6. Sở Giao thông vận tải:

Tổ chức tuyên truyền cho các hộ nuôi lồng bè chấp hành tốt các quy định về an toàn giao thông đường thủy. Phân định luồng lạch giao thông, đặt biển báo hiệu quy định rõ ràng, nhất là các khu vực cửa biển, cảng biển, khu neo đậu tàu thuyền,...; thực hiện việc kiểm tra và xử lý nghiêm việc lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường thủy.

7. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ nuôi biển.

8. Sở Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các địa phương trong việc đề xuất, xây dựng và hình thành các mô

hình nuôi biển kết hợp với du lịch phù hợp với hoàn cảnh thực tế để bổ sung sản phẩm du lịch theo hướng trải nghiệm và tăng sinh kế cho người dân.

9. Sở Công Thương

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác phát triển các cụm công nghiệp để thu hút các doanh nghiệp chế biến thủy sản; sản xuất sản phẩm phụ trợ phục vụ nuôi biển.

- Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh kết nối cung cầu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm địa phương đến các tỉnh, thành phố trong nước và xuất khẩu, trong đó chú trọng xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm nuôi biển của thành phố.

10. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố

- Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành và các lực lượng có liên quan tổ chức tuần tra, kiểm soát, giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, ứng phó, khắc phục sự cố thiên tai - tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn, bảo vệ môi trường đối với các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên khu vực biên giới biển.

- Phối hợp với các Sở, ngành, chính quyền địa phương đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật để ngư dân nâng cao nhận thức, chấp hành đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước trong hoạt động nuôi trồng thủy sản trên biển

- Tổ chức, hướng dẫn, vận động và tham mưu cho địa phương thành lập các Tổ, đội, tàu thuyền đoàn kết (mô hình sản xuất) trên biển để vừa hỗ trợ sản xuất vừa bảo vệ chủ quyền, giữ gìn an ninh trật tự trên biển.

11. Uỷ ban nhân dân các địa phương ven biển

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến cho người dân biết, thực hiện quy định về cấp phép nuôi biển; giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản và cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi lồng bè theo Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn có liên quan; kiểm tra hướng dẫn và đôn đốc tổ chức/cá nhân trên địa bàn quản lý thực hiện thủ tục hành chính về đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển nuôi biển giai đoạn 2022-2025 tại địa phương. Có phương án bố trí, sắp xếp các nghề nuôi thủy sản ven bờ, ven đảo (cá lồng bè, nhuyễn thể, đối tượng khác) theo hướng tập trung, liên kết sản xuất bền vững, phù hợp với điều kiện của từng khu vực gắn với triển khai giao khu vực biển cho cá nhân theo thẩm quyền được giao tại Luật Thủy sản năm 2017 và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ; trong đó, cần bố trí các khu vực dành riêng giao cho người dân địa phương sinh sống

chủ yếu bằng nghề nuôi cá lồng bè hoặc chuyển đổi từ nghề khai thác thủy sản sang nuôi cá lồng bè để ổn định sinh kế, sản xuất lâu dài.

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện việc giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản đồng thời với cấp phép, đăng ký cơ sở nuôi lồng bè theo đúng quy định; tuyên truyền, vận động, hỗ trợ người nuôi thực hiện nuôi biển đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật liên quan.

- Tổ chức, hướng dẫn thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã theo mô hình nuôi lồng bè, nhuyễn thể, quản lý cộng đồng và đồng quản lý nguồn lợi thủy sản, nhằm bảo vệ môi trường nuôi, phòng chống dịch bệnh, kịp thời xử lý các tình huống khi đối tượng nuôi bị thiệt hại, giảm thiểu rủi ro và hạn chế thiệt hại cho người nuôi.

- Tăng cường công tác kiểm tra tình hình sử dụng khu vực biển đã giao cho các tổ chức, cá nhân để nuôi trồng thủy sản trên địa bàn; đề xuất thu hồi những trường hợp không có nhu cầu sử dụng hoặc sử dụng khu vực biển không đúng mục đích được giao, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định...; kịp thời xử lý nghiêm, dứt điểm các hành vi vi phạm về sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản.

- Chủ động xây dựng các mô hình nuôi biển ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ; mô hình thực hiện liên kết chuỗi sản xuất, nuôi các đối tượng có giá trị kinh tế; mô hình nuôi cá lồng bè sử dụng thức ăn công nghiệp dần thay thế thức ăn cá tạp..., theo định hướng phát triển nuôi biển của thành phố.

Yêu cầu các Sở, ban, ngành, địa phương và đề nghị các tổ chức đoàn thể căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo đúng nội dung, nhiệm vụ đề ra trong Kế hoạch này; trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố./.

Nơi nhận:
- Bộ NN & PTNT;
- CT, các PCT UBND;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP;
- Phòng: NNTN&MT, NC&KTGS;
- CV: TL
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Thọ

PHỤ LỤC: DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN ƯU TIÊN TRIỂN KHAI

(Kèm theo Kế hoạch số: 11 /KH-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2023 của UBND thành phố Hải Phòng)

TT	Chương trình, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
I	**Nhóm chương trình, đề án, dự án hỗ trợ công tác quản lý Nhà nước**				
1	Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác lãnh đạo, quản lý phục vụ nuôi biển	2022-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các quận huyện và các tổ chức, cá nhân liên quan	Nâng cao kỹ năng lãnh đạo quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành trong hoạt động nuôi biển
2	Đào tạo nghề cho chủ cơ sở và công nhân kỹ thuật của các cơ sở nuôi biển trên địa bàn thành phố	2022-2030	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; UBND quận, huyện liên quan…	- 2025: 85% chủ các cơ sở, công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trên biển được đào tạo. - 2030: 100% chủ các cơ sở, công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trên biển được đào tạo.
3	Thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch, quy định của Luật Thủy sản 2017 và các nội dung hướng dẫn có liên quan đến hoạt động nuôi biển và gắn với tuyên truyền bảo vệ chủ quyền biển, đảo.	2022-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND các địa phương và các Sở/Ban/Ngành có liên quan trong thành phố	Tuyên truyền tới 80% Chủ các cơ sở, công nhân kỹ thuật nuôi trồng thủy sản trên biển và các nhóm đối tượng có liên quan

TT	Chương trình, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành quy định của Nhà nước đối với hoạt động nuôi biển từ thành phố cho đến cấp xã (tàu, xuồng, máy vi tính; phần mềm quản lý; xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu nuôi thủy sản; GPS; thiết bị bay không người lái; ảnh vệ tinh; ống nhòm chuyên dụng; phương tiện bay, phương tiện cơ giới hỗ trợ di chuyển trên bộ, trên biển, trên không…).	2022-2030	Sở Tài chính	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có đủ trang thiết bị phục vụ công tác theo tiêu chuẩn, định mức của Nhà nước.
5	Tổ chức điều tra, rà soát, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu mặt biển phục vụ xây dựng kế hoạch sử dụng khu vực biển nuôi trồng thủy sản.	2022-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Đảm bảo rõ ràng về ranh giới, hạn chế tranh chấp và là cơ sở để giám sát việc sử dụng mặt nước biển để nuôi trồng thủy sản; phù hợp với quy định tại Luật Thủy sản, Luật Quy hoạch.
6	Xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu nuôi trồng thủy sản theo quy định tại Luật Thủy sản hiện hành phục vụ công tác quản lý nhà nước	2022-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Các Sở ngành, UBND các địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan.	Phù hợp với quy định tại Luật Thủy sản hiện hành.

TT	Chương trình, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
II	**Nhóm cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ vùng nuôi**				
1	Dự án phát triển nuôi đối tượng mới (Rong biển, Bào ngư, Hải sâm…) gắn với du lịch, bảo tồn và an ninh quốc phòng biển đảo tại khu vực Cát Bà - Bạch Long Vĩ.	2022-2025	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	UBND huyện Cát Hải, Bạch Long Vĩ; tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan, đảm bảo an ninh quốc phòng
2	Xây dựng, nâng cấp cải tạo hạ tầng vùng nuôi biển tập trung tại các địa phương ven biển	2022-2030	Ủy ban nhân dân các quận, huyện /các tổ chức, cá nhân đầu tư các dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức cá nhân có liên quan	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan
3	Dự án phát triển nuôi cá biển bằng thức ăn công nghiệp, ứng dụng công nghệ gắn với du lịch	2022-2025	Ủy ban nhân dân các quận, huyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan
4	Dự án phát triển nuôi biển đạt chứng nhận (VietGap, Globle Gap….) khu vực từ 6 hải lý trở vào tại các địa phương ven biển.	2022-2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND quận, huyện; tổ chức, cá nhân có liên quan.	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan

TT	Chương trình, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
5	Bổ sung hệ thống quan trắc tự động môi trường nước theo hướng mở rộng phục vụ các khu vực nuôi biển tập trung	2022-2030	Sở Tài nguyên và Mô trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan
III	**Ứng dụng khoa học công nghệ phục vụ các khâu trong chuỗi nuôi biển**				
1	Nghiên cứu, tiến nhận công nghệ phát triển sản xuất giống, nuôi thương phẩm, chế biến sản phẩm, vật tư phụ trợ phục vụ nuôi biển	2022 - 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các tổ chức, cá nhân liên quan	Đảm bảo phù hợp với quy định
IV	**Quản lý nuôi biển**				
1	Xây dựng kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường và phòng chống dịch bệnh phục vụ nuôi biển	2022 - 2030	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân các địa phương; các Sở/Ngành có liên quan	Duy trì thực hiện quan trắc hiện có theo kế hoạch được duyệt hàng năm; đồng thời phục vụ kịp thời công tác phòng trừ dịch bệnh, quan trắc yếu tố môi trường đột suất trong nuôi trồng thủy sản nói chung và nuôi biển nói riêng.

TT	Chương trình, đề án, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
V	**Chế biến, xúc tiến thương mại**				
1	Nâng cấp, đầu tư cơ sở hạ tầng cơ sở chế biến thuỷ sản	2022 - 2030	UBND các quận, huyện/tổ chức, doanh nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Tài chính	Đảm bảo phù hợp với quy hoạch, quy định có liên quan
2	Triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, đẩy mạnh kết nối cung cầu, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm	2022 - 2030	Sở Công Thương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các quận, huyện và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Đảm bảo phù hợp với quy định